

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-3-2025
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Ân.

2. Bà Nguyễn Thị Mến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Diệu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Kim Quang Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Mộng D, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Tạm trú: ấp V, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Tấn N1, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 28/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Mộng D trình bày: Chị và anh Nguyễn Tấn N1 thành hôn năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 23/5/2006. Vợ chồng chung sống đến lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đến năm 2018 vợ chồng cắt đứt quan hệ nhau đến nay cả hai không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh N1 nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tấn N1. Về con chung, chị và anh N1 có 01 con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày 14/4/2008 hiện đang sống chung với anh N1, chị đồng ý để anh N1 tiếp tục nuôi con theo nguyện vọng của con, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn N1 đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Toà án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Võ Thị Mộng D vắng mặt có ý kiến xin vắng mặt và bị đơn anh Nguyễn Tấn N1 vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn không tham gia đầy đủ các phiên tòa, phiên họp là vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Mộng D ly hôn với anh Nguyễn Tấn N1.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Tấn T, sinh ngày 14/4/2008 cho anh Nguyễn Tấn N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Võ Thị Mộng D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Tấn N1 không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Võ Thị Mộng D vắng mặt có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Tấn N1 vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị Mộng D và anh Nguyễn Tấn N1 thành hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 23/5/2006 nên xem đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, chị Võ Thị Mộng D trình bày vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng đã cắt đứt quan hệ từ năm 2018 đến nay cả hai không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh N1 nhiều lần đến tham gia phiên hòa giải nhưng anh N1 vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị D. Chứng tỏ, anh N1 không mong muốn vợ chồng đoàn tụ và thống nhất như ý kiến trình bày của chị D. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị D và anh N1 đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị D xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Giữa chị Võ Thị Mộng D và anh Nguyễn Tấn N1 có 01 con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày 14/4/2008 hiện đang sống chung với anh N1. Cháu T có văn bản trình bày ý kiến muốn tiếp tục sống chung với cha. Hội đồng xét xử xét thấy anh N1 đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án

nhưng không có văn bản trình bày ý kiến về việc chăm sóc, giáo dục con chung. Tại biên bản xác minh ngày 27/12/2024 bà Trần Thị N2 (mẹ ruột chị D) xác định cháu T đang sống chung với anh N1, được anh N1 chăm sóc chu đáo và cho học hành đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo ổn định cuộc sống và theo nguyện vọng của cháu T nên cần giao cháu Nguyễn Tấn T sinh ngày 14/4/2008 cho anh Nguyễn Tấn N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Anh Nguyễn Tấn N1 là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Mộng D xác định không có không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Võ Thị Mộng D có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Mộng D.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Mộng D được ly hôn với anh Nguyễn Tấn N1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn T sinh ngày 14/4/2008 cho anh

Nguyễn Tấn N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Võ Thị Mộng D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị Mộng D có nghĩa vụ nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011647 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị D không phải nộp tiếp.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (GCNKH số 37 ngày 23/5/2006);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(*Đã ký*)

Nguyễn Thị Thu Nga